

15/09/2020

Chuyên viên phân tích Điện & Thép
Lê Thành Công
congl@kbsec.com.vn

Doanh thu, lợi nhuận quý 2 tăng trưởng lần lượt 35% yoy và 34% yoy

Doanh thu và lợi nhuận Quý 2 của HPG đạt lần lượt 20,694 tỉ đồng và 2,755 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 35% yoy và 34% yoy. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu và lợi nhuận của Hòa Phát đạt 39,655 tỉ VND và 5,060 tỉ VND, tăng trưởng lần lượt 32% yoy và 31% yoy. Trong đó, mảng nông nghiệp lợi nhuận tăng đột lên mức 841 tỉ, gấp 8 lần so với cùng kỳ năm 2020 do giá thịt lợn tăng cao.

Lũy kế 8 tháng 2020, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng HPG tăng trưởng 20% yoy, thị phần vươn lên mức 32%

Lũy kế 8 tháng 2020, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 2.13 triệu tấn, tăng trưởng 20% yoy. Thị phần ước tiêu thụ thép xây dựng 8 tháng 2020 vươn lên mức 32%, tăng 6% so với mức 26% của năm 2019. Sản lượng tiêu thụ các sản phẩm khác của Hòa Phát cũng có mức tăng trưởng tiêu thụ tốt, cụ thể tiêu thụ ống thép đạt 497 nghìn tấn (+3% yoy), phôi thép vuông cũng đạt mức 1.17 triệu tấn.

Chúng tôi ước tính lợi nhuận 2H2020 đạt 4511 tỉ đồng

Chúng tôi ước tính lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2020 của Hòa Phát đạt hơn 4511 tỉ đồng, thấp hơn so với mức 5060 tỉ đồng của 1H2020 do 1) có sự đóng góp doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm mới HRC, 2) lợi nhuận đột biến từ mảng nông nghiệp khó được duy trì khi giá thịt lợn đã giảm mạnh, 3) chi phí giá quặng đầu vào tăng mạnh trong khi giá thép thành phẩm đầu ra chưa có nhiều cải thiện.

Định giá

Chúng tôi nâng mức giá mục tiêu của HPG lên mức 31,300 VND/CP cùng định khuyến nghị MUA, cao hơn 27% so với giá đóng cửa ngày 15/09/2020. Hòa Phát đã chứng minh mình là doanh nghiệp có sức cạnh tranh mạnh mẽ khi không chịu ảnh hưởng nhiều bởi tác động Covid 19 như các doanh nghiệp sản xuất thép khác.

MUA

Giá mục tiêu	VND 31,300
Tăng/giảm (%)	27%
Giá hiện tại (Sep 15)	VND 24,700
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 26,500
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	81.8/3.5

Dữ liệu giao dịch

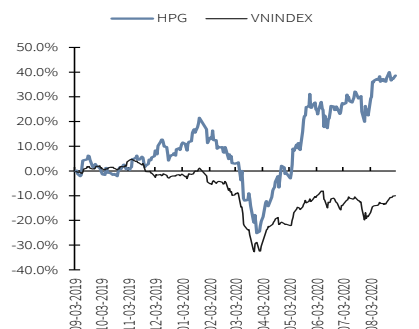
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	52.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	321.3/13.9
Sở hữu nước ngoài (%)	34.43%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
HPG	13.1	9.5	34.3	38.6
VNINDEX	10.4	2.0	-0.1	-10.0

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2017A	2018A	2019A	2020E
Doanh số thuần (tỷ VND)	46,162	55,836	63,658	85,850
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (tỷ VND)	9,252	10,072	9,031	10,965
Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ (tỷ VND)	8,007	8,573	7,527	9,571
EPS (VND)	2,541	2,588	2,272	2,889
Tăng trưởng EPS (%)	24.2%	1.8%	-12.2%	26%
P/E (x)	10.15	9.46	10.73	8.50
P/B (x)	2.51	2.00	1.70	1.45
ROE (%)	22.0%	19.5%	14.7%	15.7%
Tỷ suất cổ tức, phổ thông (%)	0.0%	0.0%	0%	1.6%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Ước tính kết quả kinh doanh

Ước tính lợi nhuận và doanh thu quý 3 của HPG đạt 2,401 tỉ đồng và 23,465 tỉ đồng

Chúng tôi ước tính quý 3 2020, lợi nhuận và doanh thu của Hòa Phát đạt lần lượt 2,401 tỉ đồng và 23,465 tỉ đồng, tăng trưởng 33.8% yoy và 56% yoy. Lũy kế cả năm 2020, lợi nhuận và doanh thu của Hòa Phát ước đạt 9,571 tỉ đồng và 85,850 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 26.3% yoy và 35% yoy. Lợi nhuận và doanh thu năm 2021 ước đạt 11,886 tỉ đồng và 106,800 tỉ đồng, tăng trưởng 24.2% yoy và 24% yoy.

Bảng 1. Dự báo kết quả kinh doanh Quý 3/2020

Tỷ VND	Q3 2020	LK 3 Quý 2020	2020F	2021F
Doanh thu thuần	23,465	63,120	85,850	106,800
Tăng trưởng (%)	56%	40%	35%	24%
Giá vốn hàng bán	19,711	51,897	71,106	88,750
Lợi nhuận gộp	3,754	11,223	14,744	18,050
Biên lợi nhuận gộp (%)	16.0%	17.8%	17.2%	16.9%
Chi phí tài chính	540	1,904	2,135	2,559
Chi phí bán hàng	178	487	1,116	1,282
Chi phí quản lý doanh nghiệp	298	815	687	854
Lợi nhuận sau thuế	2,401	7,462	9,571	11,886
Tăng trưởng (%)	33.8%	31.9%	26.3%	24.2%
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	10.2%	11.8%	11.1%	11.1%

Nguồn: HPG, KBSV Research

Kết quả kinh doanh

Doanh thu và lợi nhuận của HPG trong Quý 2/2020 tăng trưởng lần lượt 34% yoy và 35% yoy.

Lợi nhuận quý 2/2020 của Hòa Phát đạt 2,755 tỉ VND, tăng trưởng 34% yoy, doanh thu đạt 20,694 tỉ VND, tăng trưởng 35% yoy. Biên lợi nhuận gộp đạt 18.2%, giảm nhẹ so với mức 19.3% của Quý 1/2020 và 19.7% của quý 2/2019. Biên lợi nhuận ròng đạt 13.5%, tăng so với mức 12% của Quý 1/2020 và tương đương so với mức 13.6% của Quý 2/2019.

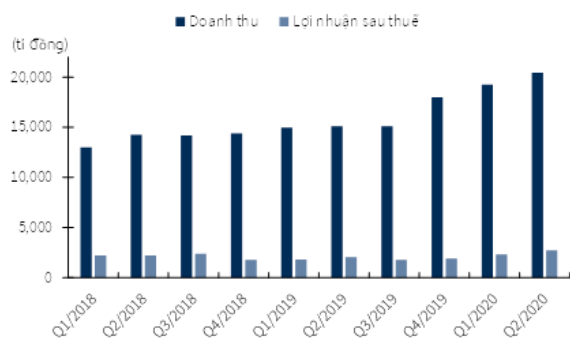
Mảng kinh doanh thép tiếp tục là hoạt động kinh doanh chính của Hòa Phát khi đóng góp 82% lợi nhuận và 85% doanh thu của tập đoàn, tăng trưởng lần lượt 31% yoy và 49% yoy. Trong quý 2/2020, các sản phẩm thép của Hòa Phát đều có mức tăng trưởng tiêu thụ tốt, tiêu thụ thép xây dựng đạt 781 nghìn tấn (tăng 20% yoy), ống thép đạt 202 nghìn tấn (tăng 9% yoy) và sản phẩm mới phi thép đạt 471 nghìn tấn. Lợi nhuận mảng nông nghiệp 360 tỉ đồng, gấp 22 lần so với cùng kỳ năm trước do giá thịt lợn được duy trì ở mức cao.

Lũy kế 8 tháng, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 2,13 triệu tấn, tăng trưởng 20% yoy. Trong đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng tại thị trường miền Nam đạt 509 nghìn tấn, tăng trưởng 86% yoy, sản lượng thép xây dựng xuất khẩu

cũng đạt 310 nghìn tấn, tăng trưởng 87% yoy. Sản lượng tiêu thụ phôi thép cũng đạt 1.17 triệu tấn, đa phần là xuất khẩu sang Trung Quốc.

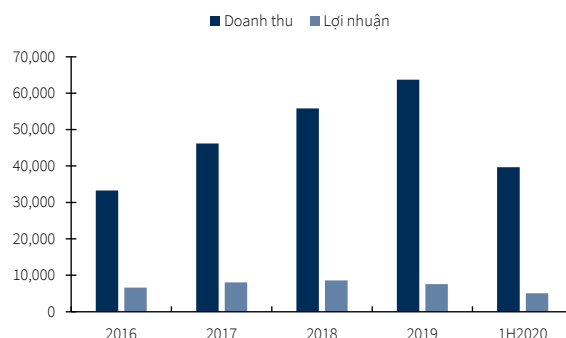
Lũy kế nửa năm 2020, lợi nhuận và doanh thu của Hòa Phát đạt 5,060 tỉ VND và 40,145 tỉ VND, tăng trưởng lần lượt 31% yoy và 29%, hoàn thành lần lượt 47% và 56% kế hoạch.

Biểu đồ 2. Doanh thu, lợi nhuận HPG theo quý



Nguồn: HPG, KBSV Research

Biểu đồ 3. Doanh thu, lợi nhuận HPG theo năm



Nguồn: HPG, KBSV Research

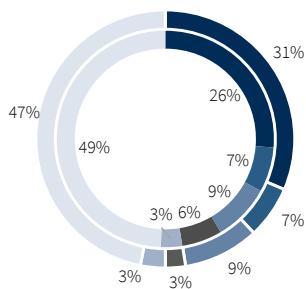
Điểm nhấn đầu tư

Lũy kế 8 tháng, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát tăng trưởng 20% yoy

Lũy kế 8 tháng, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Hòa Phát đạt 2,13 triệu tấn, tăng trưởng 20% yoy. Thị phần tăng lên mức 32%, tăng 6% so với mức 26.3% của năm 2019. Kết quả này rất tích cực khi thị trường tiêu thụ thép xây dựng nội địa đang tăng trưởng âm 8.5%, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID 19. Đáng chú ý, thị phần của Hòa Phát tăng chủ yếu đến từ việc gia tăng sản lượng tại thị trường miền Nam. Trong 8 tháng đầu năm 2020, sản lượng tiêu thụ thép của Hòa Phát tại thị trường phía Nam đạt hơn 508 nghìn tấn, tăng gấp đôi so với mức 252 nghìn tấn của 8 tháng năm 2019. Thị phần của Hòa Phát tại thị trường phía Nam cũng tăng mạnh lên mức 24% so với mức 24% của năm 2019. Với lợi thế tuyệt đối về chi phí sản xuất và thúc đẩy công tác bán hàng, Hòa Phát đang nhanh chóng giành được thị phần của các nhà sản xuất thép phía Nam.

Biểu đồ 4. Thị phần thép xây dựng cả nước

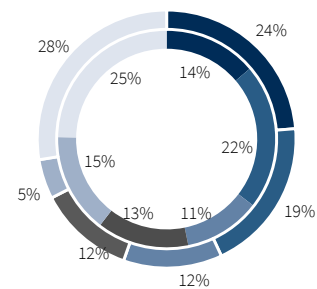
■ Hòa Phát ■ Pomina ■ TIS ■ Posco SS Vina ■ Vina Kyoei ■ Khác



Nguồn: FiinPro, KBSV Research

Biểu đồ 5. Thị phần thép xây dựng miền Nam

■ Hòa Phát ■ Vina kyoei ■ Pomina ■ Vnsteel ■ Posco SS Vina ■ Khác



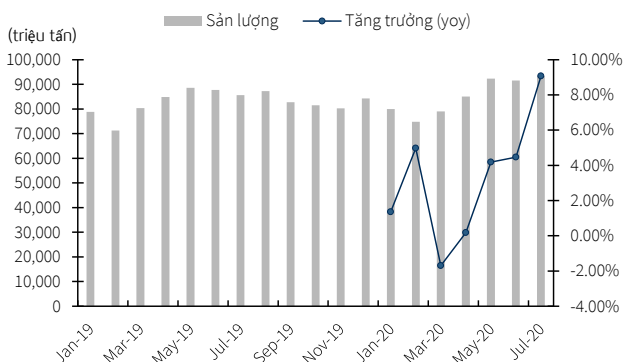
Nguồn: FiinPro, KBSV Research

Lò cao số 1 và số 2 của dự án Dung Quất đã hoạt động ổn định và chạy hết công suất

Các lò cao số 1 và số 2 của giai đoạn 1 đã hoạt động ổn định và đang chạy hết công suất, giúp nâng sản lượng của thép thô của Hòa Phát lên thêm hơn 2.5 triệu tấn/năm. Với sản lượng khổng lồ như vậy, thị trường nội địa Việt Nam khó lòng có thể hấp thụ được ngay lập tức, vì thế Hòa Phát đang xuất khẩu phôi thép, đặc biệt là tiêu thụ ở thị trường Trung Quốc. Thuận lợi cho Hòa Phát là hiện tại, giá thép xây dựng tại Trung Quốc đang cao hơn giá thép tại thị trường Việt Nam khoảng 20% do chính sách thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính phủ nước này, trong khi thị trường Việt Nam đang đang tình trạng dư cung ngắn hạn. Mặc dù biên lợi nhuận của mảng bán phôi thép là không cao, tuy nhiên, hoạt động này mang vẫn đang mang lại dòng tiền và giải quyết tình trạng dư thừa công suất tạm thời của dự án Dung Quất.

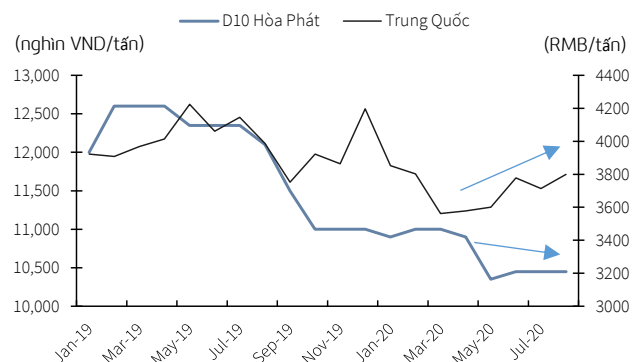
Hiện tại, với chính sách thúc đẩy đầu tư công thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng của Chính phủ Trung Quốc làm thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thép tăng trưởng đột biến tại thị trường Trung Quốc. Lũy kế 7 tháng đầu năm, sản lượng sản xuất thép của Trung Quốc tăng trưởng 3.3% yoy, riêng tháng 7/2020, sản lượng cũng đã đạt 93.4 triệu tấn thép thô, tăng trưởng 9% yoy. Dự báo, nhu cầu thép lớn sẽ tiếp tục được duy trì cho đến hết năm 2020.

Biểu đồ 6. Sản lượng thép thị trường Trung Quốc theo tháng



Nguồn: WSA, KBSV Research

Biểu đồ 7. Giá thép thị trường Việt Nam và Trung Quốc



Nguồn: WSA, KBSV Research

Hòa Phát sẽ sản xuất được HRC từ tháng 9/2020

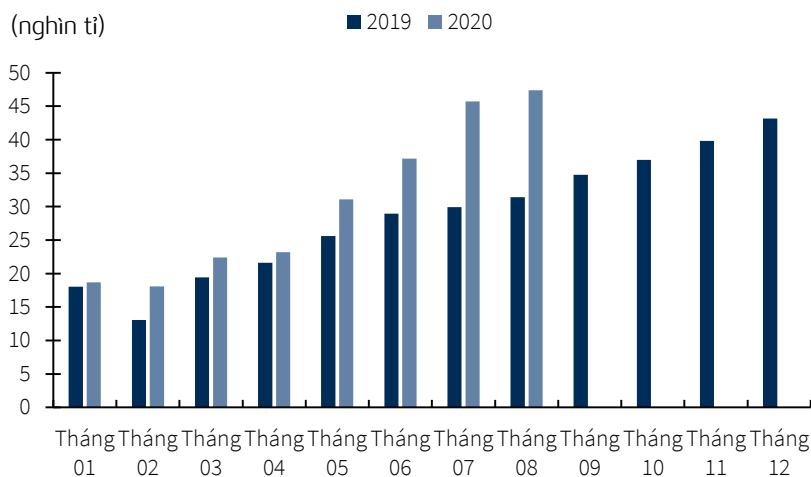
Ngày 24/8/2020, lò cao số 3 của giai đoạn 2 dự án Dung Quất đã chính thức hoàn thành, cho phép công ty bắt đầu sản xuất được sản phẩm thép cuộn cán nóng (HRC) vào thời điểm cuối tháng 9/2020. Dự kiến sản lượng HRC sản xuất được của Hòa Phát năm 2020 sẽ đạt 250 nghìn tấn. Sau khi lò cao số 4 của dự án Dung Quất dự kiến sẽ hoàn thành vào đầu năm 2021, sản lượng HRC dự kiến của Hòa Phát năm 2021 sẽ tăng lên khoảng 1.7-1.8 triệu tấn.

Ngày 14/8/2020 HPG đã hoàn thành cả toàn bộ 4 lò thổi của dự án Dung Quất. Các lò thổi này có dung tích lớn gấp 3 lần lò thổi tại nhà máy Hải Dương và được áp dụng công nghệ hiện đại nhất hiện nay. Ngoài ra, cảng chuyên dùng Hòa Phát Dung Quất đã hoàn thành và đi vào hoạt động, có thể đón tàu trọng tải 200.000 tấn. Như vậy, hầu như toàn bộ dự án Dung Quất đã hoàn thiện và đi vào sản xuất. Năm 2021, sẽ là năm bước ngoặt của Hòa Phát khi công suất tối đa sẽ đạt 7.7 triệu tấn so với mức 5 triệu tấn của năm 2020.

Hòa Phát sẽ được hưởng lợi từ chính sách thúc đẩy đầu tư công của Chính Phủ

Nhằm kích thích kinh tế sau ảnh hưởng của đại dịch COVID 19, Chính Phủ Việt Nam đang tăng cường đầu tư công thông qua đầu tư vào các cơ sở vật chất, hạ tầng. Các tháng 07-08/2020, giá trị đầu tư công đã đạt trên 45,000 tỉ đồng mỗi tháng, tăng trưởng gần 50% so với cùng kỳ năm trước. Chúng tôi cho rằng xu hướng này vẫn sẽ được tiếp tục đến hết năm 2021 và những doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như Hòa Phát sẽ được hưởng lợi.

Biểu đồ 8. Giá trị đầu tư công của Chính phủ Việt Nam theo tháng



Nguồn: GSO, KBSV Research

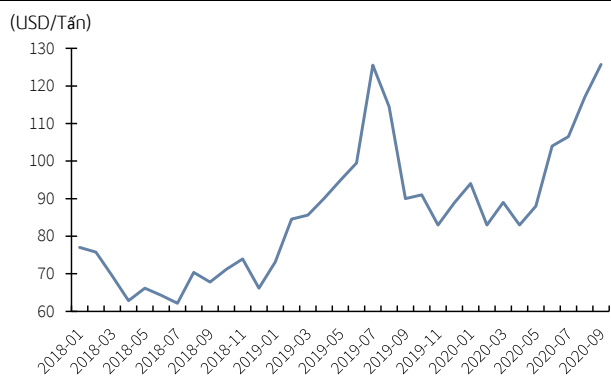
Rủi ro

Diễn biến giá nguyên vật liệu đầu vào không thuận lợi

Kết quả kinh doanh của Hòa Phát phụ thuộc rất nhiều vào giá nguyên vật liệu đầu vào và giá bán các sản phẩm đầu ra, các yếu tố mà Hòa Phát hoàn toàn phải phụ thuộc vào thị trường. Trong quý 3, giá quặng sắt đã đang tăng rất mạnh do 1) nhu cầu sản xuất thép tăng mạnh tại thị trường Trung Quốc, 2) Nguồn cung thiếu hụt tạm thời do nhiều mỏ sắt tại Brazil tạm thời đóng cửa do

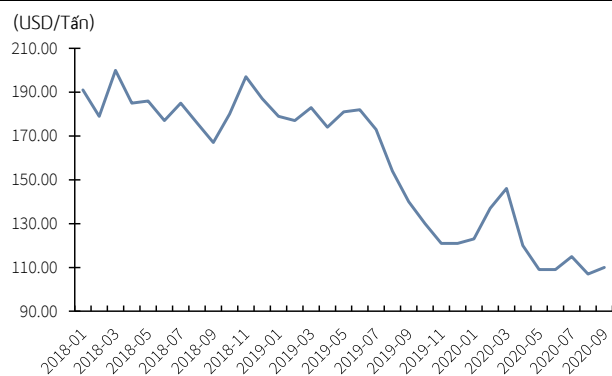
tác động của dịch bệnh COVID 19. Đến thời điểm cuối tháng 8/2020, giá quặng sắt 62% có giá khoảng 123-125 USD/tấn, tăng 34% so với thời điểm đầu năm và tăng 55% so với đáy vào thời điểm cuối tháng 3/2020. Trong khi đó, giá than mỡ luyện cốc vẫn được duy trì ở mức thấp, do căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và Australia, quốc gia xuất khẩu than lớn nhất thế giới. Chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu cảnh báo các nhà sản xuất thép nội địa Trung Quốc tăng cường sử dụng than nội địa thay vì nhập khẩu từ Australia.

Biểu đồ 9. Giá quặng sắt 62% Fe



Nguồn: VSA, KBSV Research

Biểu đồ 10. Giá than mỡ luyện coke

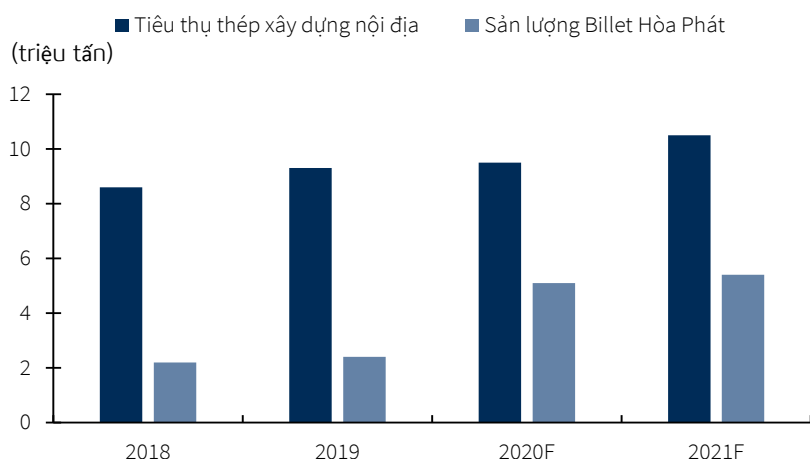


Nguồn: VSA, KBSV Research

Thị trường thép xây dựng nội địa đang dư cung trong ngắn hạn

Thị trường thép xây dựng nội địa Việt Nam tiêu thụ khoảng 9-10 triệu tấn/năm. Tuy nhiên, khi dự án Dung Quất đi vào hoạt động hoàn toàn vào năm 2021, sản lượng thép xây dựng Hòa Phát có thể cung ứng ra thị trường lên đến hơn 5.1 triệu tấn/năm, tăng 2.7 triệu so với năm 2019. Với một lượng thép lớn như thế cung ra thị trường trong khoảng thời gian chỉ hơn 2 năm, thì thị trường thép xây dựng nội địa khó có thể hấp thụ ngay lập tức và hiện tượng thừa cung sẽ diễn ra. Và thực tế hiện tại cũng đang cho thấy, Hòa Phát đang phải bán phôi thép thừa sang thị trường Trung Quốc, sản lượng dự kiến cả năm 2020 lên đến 1.8 triệu tấn và giá bán thép thành phẩm liên tục ở mức thấp. Mặc dù hoạt động này chưa mang lại biên lợi nhuận cao, nhưng cũng đã giúp Hòa Phát mang lại dòng tiền và bao phủ một phần chi phí khấu hao.

Biểu đồ 12. Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng nội địa và công suất billet Hòa Phát

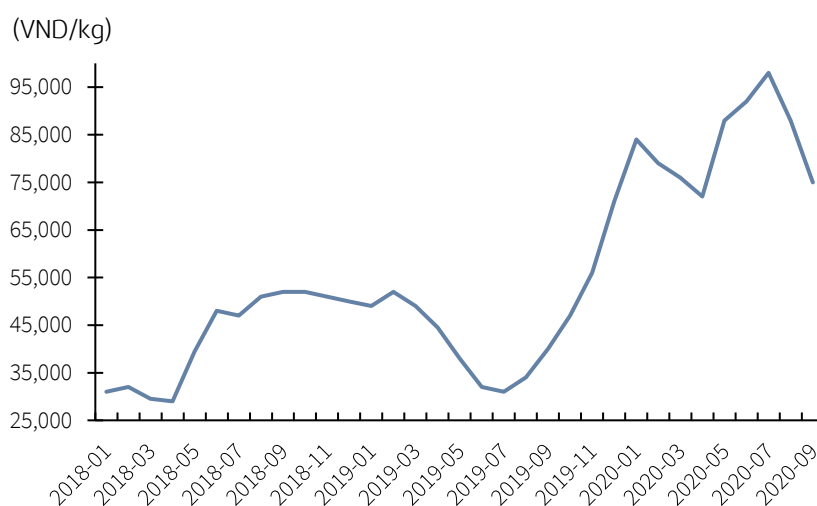


Nguồn: HPG, KBSV Research

Không còn lợi nhuận đột biến mảng nông nghiệp như 2 quý đầu năm 2020

Trong quý 1H2020, lợi nhuận của mảng nông nghiệp đạt hơn 800 tỉ, gấp 8 lần so với cùng kỳ. Giá thịt lợn tăng mạnh trong nửa đầu năm 2020 do nguồn cung thiếu hụt trong ngắn hạn. Dịch bệnh tả lợn châu Phi làm người nông dân không dám tiếp tục tái đàn, dịch bệnh covid 19 cũng làm giảm khả năng nhập khẩu lợn từ nước ngoài. Trong quý 3/2020, giá thịt lợn đã giảm mạnh về mức 73,000 VND/kg lợn hơi, giảm khoảng 25% so với mức đỉnh 100,000 VND/kg hồi tháng 5/2020, nhưng vẫn ở mức cao so với 50,000 VND/kg trong nhiều năm trở lại đây. Chính phủ đang áp dụng rất nhiều biện pháp để giảm giá thịt lợn như tăng cường nhập khẩu, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, ép các doanh nghiệp chăn nuôi lớn giảm giá... Mục tiêu của Chính phủ muốn giá lợn về mức khoảng 60,000 VND/kg. Theo chúng tôi, giá thịt lợn nhiều khả năng sẽ tiếp tục giảm và lợi nhuận mảng nông nghiệp của Hòa Phát sẽ chỉ còn đạt khoảng 400-500 tỉ trong 2H2020.

Biểu đồ 11. Giá thịt lợn hơi thị trường miền Nam



Nguồn: Channuoivietnam, KBSV Research

Định giá

Dự báo kết quả kinh doanh

Chúng tôi ước tính lợi nhuận và doanh thu 2H2020 của Hòa Phát sẽ đạt lần lượt khoảng 4,511 tỉ đồng và 46,195 tỉ đồng. Lũy kế cả năm 2020, lợi nhuận và doanh thu của Hòa Phát ước đạt 9,571 tỉ đồng và 85,850 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 26% yoy và 35% yoy. Lợi nhuận và doanh thu 2021 ước đạt lần lượt 11,886 tỉ đồng và 106,800 tỉ đồng, tăng trưởng lần lượt 24% yoy và 24% yoy.

Bảng 13. Dự báo kết quả kinh doanh theo năm 2020

Tỷ VND	2019A	2020F	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu thuần	63,716	85,850	106,800	113,250	117,600	117,650
Tăng trưởng (%)	14%	35%	24%	6%	4%	0%
Giá vốn hàng bán	52,532	71,106	88,750	93,951	97,494	98,065
Lợi nhuận gộp	11,184	14,744	18,050	19,299	20,106	19,585
Biên lợi nhuận gộp (%)	17.6%	17.2%	16.9%	17.0%	17.1%	16.6%
Chi phí tài chính	1,182	2,135	2,559	2,403	2,110	1,849
Chi phí bán hàng	873	1,116	1,282	1,246	1,294	1,294
Chi phí quản lý doanh nghiệp	569	687	854	906	941	941
Lợi nhuận sau thuế	7,579	9,571	11,886	13,232	14,272	13,892
Tăng trưởng (%)	-11.9%	26.3%	24.2%	11.3%	7.9%	-2.7%
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	11.9%	11.1%	11.1%	11.7%	12.1%	11.8%

Nguồn: HPG, KBSV Research

Bảng 14. Các giá định chính

	2020F	2021F	2022F	2023F	2024F
Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng (triệu tấn)	3.3	3.7	4.0	4.2	4.3
Sản lượng tiêu thụ phôi thép (triệu tấn)	1.8	1.7	1.7	1.6	1.4
Sản lượng tiêu thụ HRC (triệu tấn)	0.2	1.5	1.7	1.9	2.0
Giá bán thép xây dựng (triệu VND/tấn)	10.5	10.5	10.5	10.5	10.5
Giá bán HRC (triệu VND/tấn)	11.0	11.0	11.0	11.0	11.0
Quặng sắt (USD/tấn)	100	100	100	100	100
Than mỡ (USD/tấn)	105	105	105	105	105
Thép phế (USD/tấn)	270	270	270	270	270

Nguồn: KBSV Research

Định giá

Chúng tôi **nâng giá mục tiêu của HPG lên mức 31,300 VND/Cổ phiếu** theo phương pháp P/E và chiết khấu dòng tiền, cao giá đóng cửa 15/09/2020 là 27%.

- Theo phương pháp P/E, chúng tôi định giá Hòa Phát ở mức P/E forward 2020 là 8.5 lần, tương ứng với mức cổ phiếu 24,500 VND/cổ phiếu.
- Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá Hòa Phát ở mức cổ phiếu 38,000 VND/cổ phiếu.

	2020	2021	2022	2023	2024
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	12,785	14,054	18,907	20,755	21,528
Lãi vay x (1+thuế)	1,858	2,227	2,090	1,835	1,571
Đầu tư xây dựng cơ bản	6,132	6,000	6,000	6,000	6,000
FCFF	8,511	10,281	14,997	16,590	17,100

Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu	14.9%
Lãi suất phi rủi ro	3.5%
Hệ số Beta	1.12
Tăng trưởng dài hạn	2.5%
Thời gian dự phóng	5 Năm

Giá trị vốn hóa (tỷ đồng)	125,977
Số cổ phiếu (triệu cổ phiếu)	3,313
Giá cổ phiếu (vnd/cổ phiếu)	38.022

Chúng tôi đưa ra **khuyến nghị MUA** đối với HPG tại vùng giá hiện tại (ngày 15/09/2020) với mức **Lợi nhuận kỳ vọng xấp xỉ 27%**.

Báo cáo Kết quả HKKD

(Tỷ VNĐ) (Báo cáo chuẩn)	2017A		2018A		2019A		2020F	
	VN	GAAP	VN	GAAP	VN	GAAP	VN	GAAP
Doanh số thuần	46,162	55,836	63,658	85,850				
Giá vốn hàng bán	35,536	44,166	52,473	71,106				
Lãi gộp	10,626	11,671	11,185	14,744				
Thu nhập tài chính	186	294	471	459				
Chi phí tài chính	566	772	1,182	2,135				
Trong đó: Chi phí lãi vay	480	540	937	2,135				
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	(0)	0	(1)	(0)				
Chi phí bán hàng	595	677	873	1,116				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	409	444	569	687				
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	9,252	10,072	9,031	10,965				
Thu nhập khác	433	489	658	433				
Chi phí khác	397	490	592	397				
Thu nhập khác, ròng	36	(1)	66	36				
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	9,288	10,071	9,097	11,001				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1,274	1,471	1,518	1,430				
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	8,015	8,601	7,578	9,571				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	8	28	51	60				
Lợi nhuận của cổ đông của công ty mẹ	8,007	8,573	7,527	9,511				

Chỉ số hoạt động

(%)	2017A	2018A	2019A	2020F
Tỷ suất lợi nhuận gộp	23.0%	20.9%	17.6%	17.2%
Tỷ suất EBITDA	25.2%	22.9%	19.4%	20.7%
Tỷ suất EBIT	20.8%	18.9%	15.3%	15.3%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế %	20.1%	18.0%	14.3%	12.8%
Tỷ suất lãi hoạt động KD	20.0%	18.0%	14.2%	12.8%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	17.3%	15.4%	11.8%	11.1%

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
Lãi trước thuế	9,288	10,071	9,097	11,001
Khấu hao TSCĐ	1,994	2,213	2,587	4,654
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	(105)	(83)	(262)	0
Chi phí lãi vay	480	540	937	2,135
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	11,657	12,741	12,359	17,790
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(463)	(1,423)	(289)	(1,364)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	(2,202)	(2,302)	(5,132)	(3,965)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	(427)	1,460	3,557	3,563
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(57)	(501)	(8)	0
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	(2,450)	(2,332)	(2,771)	(3,237)
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	6,058	7,642	7,715	12,785
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(8,875)	(27,594)	(20,825)	(6,132)
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	7	65	27	0
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	(13,644)	(11,296)	(4,468)	0
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	4,462	17,443	6,832	0
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	(41)	(116)	0	0
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp	1	18	0	0
Cổ tức và tiền lãi nhận được	165	947	370	0
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	(17,926)	(20,533)	(18,064)	(6,132)
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	5,057	11	0	0
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0
Tiền trả các khoản đi vay	37,195	53,472	67,944	0
Tiền trả các khoản đi vay	(30,675)	(42,335)	(55,554)	(1,913)
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	0	0	0	0
Cổ tức đã trả	(4)	(6)	(13)	(1,381)
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	11,574	11,143	12,378	(3,294)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(294)	(1,748)	2,029	3,360
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4,559	4,265	2,516	4,545
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4,265	2,516	4,545	7,905

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ VNĐ) (Báo cáo chuẩn)	2017A		2018A		2019A		2020F	
	VN	GAAP	VN	GAAP	VN	GAAP	VN	GAAP
Tổng Công Tài Sản	53,022	78,223	101,776	111,674				
Tài Sản Ngắn Hạn	33,068	25,309	30,472	38,269				
Tiền và tương đương tiền	4,265	2,516	4,565	8,578				
Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	9,937	3,725	1,374	1,374				
Các khoản phải thu	6,555	3,210	3,575	4,939				
Hàng tồn kho, ròng	11,749	14,115	19,412	23,377				
Tài Sản Dài Hạn	19,954	52,914	71,339	73,405				
Phải thu dài hạn	22	22	28	28				
Tài sản cố định	13,198	12,783	31,244	56,233				
Tài sản dở dang dài hạn	5,469	38,107	37,441	13,930				
Đầu tư dài hạn	17	67	26	26				
Lợi thế thương mại	54	88	61	61				
Nợ Phải Trả	20,625	37,600	53,989	56,694				
Nợ ngắn hạn	18,520	22,636	26,984	33,778				
Phải trả người bán	4,226	8,707	6,178	9,420				
Người mua trả tiền trước	824	361	409	409				
Vay ngắn hạn	11,329	11,495	16,838	19,169				
Nợ dài hạn	2,105	14,964	27,005	22,916				
Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	1,647	6,652	6,652				
Người mua trả tiền trước dài hạn	67	55	80	80				
Doanh thu chưa thực hiện	3	3	3	3				
Vay dài hạn	1,651	12,811	19,842	15,598				
Vốn chủ sở hữu	32,398	40,623	47,787	55,630				
Vốn góp	15,171	21,239	27,611	33,133				
Thặng dư vốn cổ phần	3,202	3,212	3,212	3,212				
Lãi chưa phân phối	13,397	15,126	15,877	18,179				
Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	0	0	0	0				
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	111	127	183	183				

Chỉ số chính

(x, % VNĐ)	2017A	2018A	2019A	2020F
Chỉ số định giá				
P/E	10.2	9.5	10.8	8.6
P/E pha loãng	10.2	9.5	10.8	8.6
P/B	2.5	2.0	1.7	1.5
P/S	1.8	1.5	1.3	0.9
P/tangible book	6.2	6.4	2.6	1.4
P/cash flow	13.4	10.6	10.5	6.4
Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	10.9	10.0	10.6	8.1
Giá trị doanh nghiệp/EBIT	9.0	8.3	8.4	6.0
Hệ quả quản lý				
ROE	24.7%	21.2%	15.9%	17.2%
ROA	15.1%	11.0%	7.4%	8.5%
ROIC	26.2%	17.3%	11.4%	
Cấu trúc tài chính				
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	18.9%	11.1%	16.8%	25.4%
Tỷ suất thanh toán nhanh	112.1%	41.7%	35.3%	44.1%
Tỷ suất thanh toán hiện thời	178.6%	111.8%	112.9%	113.3%
Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	5.1%	31.6%	41.7%	28.0%
Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	3.1%	16.4%	19.5%	14.0%
Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	40.2%	60.0%	77.0%	34.5%
Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	24.5%	31.1%	36.0%	28.0%
Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	57.4%	58.9%	56.7%	60.7%
Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	34.9%	28.9%	26.5%	30.2%
Tổng công nợ/Vốn CSH	63.9%	92.8%	113.4%	101.9%
Tổng công nợ/Tổng Tài sản	38.9%	48.1%	53.0%	50.8%
Chỉ số hoạt động				
Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	3.9	4.0	3.3	3.7
Hệ số quay vòng HTK	3.0	3.1	2.7	3.0
Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	8.4	5.1	8.5	7.5

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.